

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
BIÊN SOẠN
TÀI LIỆU BỔ TRỢ CHO KỸ NĂNG NÓI
(Tập 1)

Chủ nhiệm đề tài: Th.s Đinh Thị Thanh Bình

HẢI PHÒNG, 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

BIÊN SOẠN
TÀI LIỆU BỔ TRỢ CHO KỸ NĂNG NÓI
(Tập 1)

CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI NGỮ

Chủ nhiệm đề tài: Th.s Đinh Thị Thanh Bình

HẢI PHÒNG, 2013

Contents



第一课	我来做个自我介绍	(1)
第二课	我的家	(5)
第三课	这是我们班	(10)
第四课	我们学校	(14)
第五课	我的房间	(18)
第六课	我的爱好	(22)
第七课	好朋友	(26)
第八课	我的老师	(30)
第九课	我的一天	(34)
第十课	学习外语	(38)
附录 1	录音文版	
附录 2	图片	

附录一

参考文献

1. 《汉语口语教程》北京语言大学出版社，2000年。
2. 《新实用汉语》北京语言大学出版社，2003年。
3. 《汉语口语速成》北京语言大学出版社，2000年。
4. 《博雅汉语》北京大学出版社，2004年。
5. 《体验汉语》高等教育出版社，2006年。

CHƯƠNG I:

LÝ LUẬN CHUNG

I/ Lý do chọn đề tài

Mục đích cuối cùng của người học ngoại ngữ là có thể sử dụng được những kiến thức mình được học. Xuất phát từ nhu cầu thực tế đó và trên cơ sở chuyển đổi hình thức thi theo 04 kỹ năng, nghe nói đọc viết bắt đầu từ năm học 2012-2013, một cuốn tài liệu khẩu ngữ, hỗ trợ cho giáo trình chính khóa là vô cùng cần thiết.

II/ Đối tượng

SV các ngành không chuyên tiếng Hán, trình độ tiếng Hán cơ sở.

III/ Mục đích nghiên cứu

Thông qua đánh giá khảo sát nhu cầu và thực tế dạy và học, đưa ra những dạng bài luyện tập nâng cao khả năng giao tiếp phù hợp với chương trình học.

Cung cấp những dạng bài phong phú, không chỉ hội thoại thực tế mà còn bao gồm những bài tập về tả tranh, kể chuyện theo tranh hoặc tả tranh... dễ nhìn, dễ hiểu. Ngoài ra, nghiên cứu còn đưa ra được cách lập giàn ý cho mỗi chủ đề nói cụ thể, để người học dễ dàng tư duy và triển khai hoạt động giao tiếp.

IV/ Nội dung nghiên cứu của đề tài:

- Đánh giá giáo trình.
- Đánh giá thực tế dạy và học liên quan đến kỹ năng nói.
- Khảo sát ý kiến của sinh viên.
- Tham khảo ý kiến đánh giá của giáo viên trong và ngoài trường về

những dạng bài và hình thức luyện nói cho sinh viên.

- Kiểm tra thực tế qua tham gia giảng dạy trên lớp.
- Nghiên cứu, đưa ra cuốn tài liệu bổ trợ khẩu ngữ tiếng Hán_Sơ cấp I.
Gồm 10 bài, với 10 chủ đề giao tiếp cơ bản bám sát nội dung của giáo trình chính.

V/ Phương pháp nghiên cứu

- Dùng bảng câu hỏi : Khảo sát nhu cầu cũng như những gợi ý giúp ích cho việc thiết kế nội dung giáo trình.
- So sánh, phân tích : Phân tích thực tiễn khách quan và chủ quan, so sánh trình độ nhận thức và những nhu cầu thực tế của người học.
- Kiểm tra thực tế : Kiểm tra thông qua quá trình giảng dạy trên lớp, và đi dự giảng.
- Tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau.(sách tham khảo HSK, website, các bài tham luận tại các hội thảo về thiết kế các dạng bài hoặc thủ thuật nâng cao kỹ năng nói ...)

VI/ Khả năng triển khai ứng dụng và dự kiến kết quả của đề tài:

Bài nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi cho tất cả các đối tượng dạy và học tiếng Hán không chỉ sinh viên trong trường mà cả sinh viên ngoài trường. Giúp định hướng tư duy và luyện kỹ năng nói cho sinh viên .

CHƯƠNG II:

THUYẾT MINH SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU VÀ KIẾN NGHỊ SỬ DỤNG

I/ Thuyết minh sản phẩm nghiên cứu

1. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu cuốn tài liệu hỗ trợ kỹ năng khẩu ngữ phục vụ dạy và học tiếng Hán.

Thiết kế bài tập phù hợp nội dung nói theo từng chủ đề. Cụ thể:

- + Bài 1: Giới thiệu bản thân
- + Bài 2: Giới thiệu về gia đình
- + Bài 3: Giới thiệu về lớp học
- + Bài 4: Giới thiệu về trường học
- + Bài 5: Giới thiệu về phòng ở
- + Bài 6: Giới thiệu về sở thích
- + Bài 7: Giới thiệu về một người bạn thân
- + Bài 8: Giới thiệu về một giáo viên
- + Bài 9: Giới thiệu về hoạt động trong ngày
- + Bài 10: Giới thiệu về việc học ngoại ngữ

2. Kết quả nghiên cứu

2.1 Tên sản phẩm nghiên cứu:

Tài liệu hỗ trợ khẩu ngữ tiếng Hán_Sơ cấp I

2.2 Cấu trúc mỗi bài:

Mỗi bài chia 05 phần, có quan hệ logic về nội dung, kiến thức. Cụ thể:

- + Phần I: Cung cấp từ mới có liên quan.
- + Phần II: Mẫu câu theo chủ đề liên quan, sử dụng từ trong phần I.
- + Phần III: 06 đoạn hội thoại thực hành cho các mẫu câu trên.
- + Phần IV: Nhìn tranh miêu tả hành động, hoặc kể chuyện đơn giản theo nội dung tranh đã cho.
- + Phần V: Nghe – Nhìn – Nói. Là phần trọng tâm, tổng kết lại toàn bộ nội dung chủ đề. Thông qua Video, sinh viên nắm bắt được thông tin, trả lời nhanh các câu hỏi và thuật lại nội dung đã xem theo yêu cầu của giáo viên (nếu có).

II/ Kiến nghị sử dụng

Vì là tài liệu nghiên cứu phục vụ cho dạy và học, nên tác giả muốn người dạy cần hiểu mục đích thiết kế của mỗi phần cho từng chủ đề, để thực hiện việc giảng dạy đạt kết quả cao nhất.

1. Kiến nghị chung:

Như đã mô tả ở phần trên, cấu trúc mỗi bài gồm 05 phần, vì vậy tác giả kiến nghị:

- 1.1 Mỗi bài được tiến hành với thời lượng 45 phút, tương ứng 01 tiết (tùy tình huống, và tùy đối tượng, thời lượng có thể kéo dài hơn dự tính, nhưng không quá 60 phút). Chính vì vậy việc giáo viên cần cân nhắc về quy trình cũng như bố trí hoạt động nói cho phù hợp, tránh kéo dài không cần thiết.
- 1.2 Vì là phần phụ trợ, giáo viên có thể kết hợp với bài giảng chính khóa (kết hợp với phần Bài khóa chính), hoặc giảng trong phần

ôn tập phục vụ cho phần thi nói của sinh viên.

- 1.3 Giáo viên cần dựa vào nội dung đề đưa ra dàn ý, giúp sinh viên thông qua bài học, có thể tự mình lựa chọn thông tin, lựa chọn từ ngữ thích hợp để tiến hành hoạt động giao tiếp hoặc kể lại theo nội dung tình huống.

2. Kiến nghị về nội dung giảng dạy:

2.1 Phần I: Từ vựng

Dự kiến thời lượng: 05 phút

- Giáo viên hướng dẫn cách đọc, và nghĩa của từng từ, cho thời gian nhớ tại chỗ, rồi hỏi lại những từ vừa làm quen.

2.2 Phần II: Mẫu câu

Dự kiến thời lượng: 10 phút

- Giáo viên hướng dẫn đọc hiểu theo 2 cách:
 - + Cách 1: Yêu cầu từng sinh viên đọc, rồi dịch nghĩa.
 - + Cách 2: Yêu cầu sinh viên trong một khoảng thời gian nhất định đọc hiểu nội dung các mẫu câu.
- Sau khi đọc hiểu, kiểm tra bằng hỏi đáp nhanh hoặc nói tiếng Việt, yêu cầu sinh viên dịch sang tiếng Hán.

2.3 Phần III: Hội thoại

Dự kiến thời lượng: 10 phút

Giáo viên có thể:

- Chọn hội thoại điển hình cho sinh viên đọc là quen, rồi tiến hành hỏi đáp nhanh.

- Chuyển sang dạng điền trống (bỏ từ trong hội thoại, yêu cầu điền trống).

2.4 Phần IV: Tả tranh

Dự kiến thời lượng: 10 phút

Đây là phần phát triển khả năng tư duy về ngôn ngữ và phản xạ nói, nên giáo viên có thể:

- Chiếu hình ảnh
- Sử dụng thẻ hình
- Gợi ý từ mới

Ngoài ra phần này, tác giả còn bổ sung thêm một số câu chuyện hình ảnh (tham khảo phần phụ lục 2), giáo viên có thể cắt nhỏ từng hình ảnh, trộn thứ tự, yêu cầu sinh viên sắp xếp lại rồi kể lại câu chuyện theo gợi ý bên dưới mỗi hình ảnh.

2.5 Phần V: Xem Video

Dự kiến thời lượng: 10 phút

Phần này gồm 2 phân đoạn, giới thiệu và hội thoại. Trước khi xem Video giáo viên có thể gợi ý tình huống, mục đích là cung cấp từ vựng sẽ xuất hiện trong nội dung sẽ xem.

Sau khi xem giáo viên đặt câu hỏi và yêu cầu sinh viên trả lời. Ở đây tác giả cũng cung cấp những câu hỏi gợi ý, tuy nhiên giáo viên có thể đặt ra các câu hỏi khác, phù hợp với đối tượng giảng dạy.

话题 1：自我介绍

1. 情景一

大家，早上好！我的名字叫周瑶。我是中国人，来自广西壮族自治区。
我今年二十一岁了，属猴的。我喜欢唱歌和履行。

这次来越南学旅游文化和越南语。我觉得越南语不太难，很有意思，
而且越南同学都很热情，友好。谢谢。

2. 情景二

男：你好！

女：你好！

男：请问，你是中国人吗？

女：是的，我是中国人。你是中国哪里人？

男：我是安徽的，你呢？

女：我是广西人。对了，你也是来越南学习的吗？

男：不，我在这儿工作。业余时间去学点儿越南语。

女：你工作忙不忙？

男：不太忙。这是我的名片，以后我们经常联系。

女：好的，谢谢。

男：再见！

女：再见！

话题 2：家庭

1. 情景一

我家有四口人，爸爸、妈妈、哥哥和我。我爸爸今年 48 岁。他是一名

工程师，工作比较忙。妈妈是一名小学老师，工作不太忙。妈妈比爸爸小三岁。我妈妈做的饭菜很好吃，我最喜欢妈妈做的菜。我哥哥是一名大学四年级的学生，还有一年才毕业。他学习很努力，很认真。他希望毕业后能到一家外国公司工作。

周末的时候，我们一家人有时候出去玩玩儿，有时候去看爷爷、奶奶。

我的家很幸福。我很爱我的家。

2. 情景二

男：老师，你好！

女：你好！请问，你是大一新生吗？

男：是的。我是大一新来的。

女：让我来了解一下你的家庭情况。你家有几口人？

男：我家有六口人。爷爷、奶奶、爸爸、妈妈、姐姐和我。

女：爷爷今年多大岁数？

男：我爷爷今年 78 岁，身体很好。经常和奶奶一起逛公园。

女：很好。

男：虽然他们年纪很大，但是身体都很健康。

女：你爸爸是做什么工作？

男：我爸爸是大夫，在医院工作，工作很忙，每天很晚回家。

女：你妈妈也是大夫吗？

男：不是。我妈妈是家庭主妇，负责照料爷爷、奶奶、姐姐和我。

女：你家很幸福。

男：谢谢。

话题 3：我们班

1. 情景一

我们班有 15 个学生，4 个男生，11 个女生。这是我们的班级。我们全部都是中国留学生。

我们今年九月来的。刚来的时候，都觉得很想家，现在虽然也很想，但是有很多越南同学帮助我们，他们都很友好。

这是我们的班长，宇文。她很善良，大方。

我们班的同学学习都很努力

2. 情景二

女：斌斌，你在这个学校学习吗？

男：是的。我在这里学习。

女：你们班一共有几个同学呢？

男：我们班总有 15 名中国留学生。

女：大家学习都怎么样？

男：大家都学习很努力，刻苦。

女：那，你们一天要上几节课呀？

男：我们一天要上六节课，上午三节，八点半上课，到十点半。下午三节，从两点半上到四点半。

女：你们要上体育课吗？

男：要，体育课我们要上游泳，打羽毛球或者篮球。

女：你们班谁游得最好？

男：我们班小强游得最好。他一次能有 500 米。

女：那，如果不上课的话，你们一般都做些什么呢？

男：不上课我们去图书馆，有的和朋友玩，也有的在宿舍休息。

话题 4：学校

1. 情景一

大家好！这里是海防民办大学，是我们在留学的学校。海防民办大学成立于 1997 年。校长姓陈，我们都叫他陈校长。学校不太大，但是很美。学校有两个区，教学区和宿舍区。教学区有五座教学楼，三座办公楼。宿舍区有四栋宿舍楼，一个体育馆，一个操场。那儿还有一个很大的游泳池。

学校的学生来自于河内、太平、南定等全国不同的省市。学校还有外国留学生。他们来学习专业和越南语。

学校学生学习很努力，老师也教得很认真，很热情。

2. 情景二

女 A：你在哪里学习？

女 B：我在海防民办大学学习。

女 A：你们学校怎么样？

女 B：我们学校不太大，但是很美。

女 A：那，你们的教学区和宿舍区近吗？

女 B：不太近。因为它们不在同一个地方。走路大概需要 15 分钟。

女 A：你们学校有没有外国的同学？

女 B：有。有来自中国、日本、美国、英国等不同国家的留学生。

女 A：那，你们学校有游泳池吗？

女 B：有。我们学校有一个很大的游泳池。下午常去那儿游泳，很好玩儿。

话题 5：我的房间

1. 情景一

大家好，这是我的房间。它不太大但是很干净。我和三个同学一起住。

房间里面有阿芳，阿瑶和阿文。

2. 情景二

女：你住哪儿？

男：我住学校宿舍。

女：几号楼？

男：C楼四层，住在406。

女：房间大不大？

男：30平方米，有卫生间，但没有厨房。因为学校不允许在宿舍做饭。

女：有舍友吗？

男：有。我有三个舍友。

女：都是同班同学吗？

男：是的。我们每天都一起上下课，一起学习，一起玩儿。

话题6：爱好

1. 情景一

每个人都有自己的兴趣爱好。我的好朋友，阿斌，他喜欢玩电脑，阿璐喜欢听音乐，我也一样，我也有自己的兴趣爱好，我最大的爱好就是看书。每当看到一本有意识的书，我就感到心情很愉悦。每天睡觉之前我都要看书，就这样做我才能睡得好。我觉得通过看书我可以了解不同国家地区的风俗习惯。

你看，这是我爸爸今年送我的生日礼物，这本书很有意思，我很喜欢它。

2. 情景二

男：阿瑛，你不是说今天要去看电影吗？怎么还没去？

女：是啊。但是，今天下午有点事耽搁了。

男：是吗？

女：你也知道我是影迷嘛。只要电影院有新的电影我肯定要去看看啊。

男：今天还去看电影吗？

女：当然要去了。

男：那，一个人去吗？要不要我陪你？

女：别开玩笑，我知道你是个电脑迷，对电影一点儿也不感兴趣。

男：还是你最了解我。

话题 7：好朋友

1. 情景一

我有一个好朋友，名字叫方宇光。名字听起来很像中国人，但其实他是一名越南人。他今年已经 21 岁了。家里有四口人，爸爸、妈妈、哥哥和他。

他说他最喜欢吃中国的饺子。虽然越南也有饺子，但他还是喜欢吃中国的饺子。

2. 情景二

女 A：照片上的人是不是你哥哥？

女 B：不是。他是我的中学同学。

女 A：是吗？你们长得很像。他现在也是你的同班同学吗？

女 B：不。他没有考上大学，现在已经开始工作了。

女 A：他做什么工作的？

女 B：他跟一个朋友在外面开一家小饭店。生意不错。我经常带我的朋友到他那儿吃饭。

女 A：那儿的饭菜好吃吗？

女 B：当然好吃了。

女 A：他这么年轻，就当上老板了，真厉害。我很想到他的小饭店去吃一下。要不然我们去那儿吃吧。

女 B：好啊。

话题 8：我的小学老师

1. 情景一

我小时候最怕、最不喜欢，也是我最爱、最难忘的就是我的小学老师。她姓张，名字叫佳信。我怕她是因为她很严格，我爱她是因为他对我们很好。虽然她已经退休了，但每年教师节，我们都会去看她。

她住在学校宿舍。她有两个孩子，一男，一女。现在孩子都长大了，出去工作了。每次去看她，她都拿出孩子的照片给我们看，显得很开心，很幸福。

2. 情景二

女 A：宇文，你还记得我们的高中数学老师吗？

女 B：记得。他怎么了？

女 A：前两天我去开会的时候遇见他了。

女 B：他现在过得怎么样？我还记得，上学的时候，我不喜欢学习，经常调皮，他经常批评我，还说不知道将来我能做什么工作。如果她知道我现在也做了老师，他一定会很惊讶。

女 A：那当然了。

女 B：对了，你问没问他的地址？我打算去看他。

女 A：我已经问过了。我打算这周日去看他。要不我们一块儿去吧。

女 B：好啊。

话题 9：我的一天

1. 情景一

大家好！因为每天上午八点准时上课，所以我都六点半起床。起床后，我常锻炼一下身体，然后去吃早饭。我的早饭很简单，一个面包加一杯牛奶。在中国，经常 8 点钟上课，12 点半才下课。下午一般 2 点上课，四点半下课。下午每课的时候，我经常在宿舍学习，有时候跟朋友出去玩儿，或者聊聊天儿。晚上，我常上网查资料，或收发伊妹儿，11 点钟睡觉。

2. 情景二

女 A：你每天几点起床？

女 B：我每天都六点半准时起床。

女 A：起床后，常做什么？

女 B：起床后，经常锻炼身体。然后回来吃早饭，吃完早饭我就去上课。

女 A：你早上几点上课？

女 B：我每天八点钟上课，但十二点半才下课。

女 A：下午有上课？

女 B：只星期二和星期五下午有课。

女 A：没课的时候你常做什么？

女 B：没课的时候我经常去图书馆看书，有时候去找朋友聊天儿，或者出

去玩儿。

女 A：你晚上几点睡觉？

女 B：我晚上十一点睡觉。

话题 10：学习外语

1. 情景一

我的专业不是英语，但是我很喜欢英语。我从初中就开始学习英语。现在能用英语跟英国人交流。我朋友都说英语很难，可是我觉得英语一点儿都不难。要想学好英语，一定要认真，要多说，多听，多做练习。最重要的是你要对英语有兴趣。

2. 情景二

女 A：你学什么外语？

女 B：我学习英语。

女 A：学习英语多长时间了？

女 B：我学习英语五年了。

女 A：五年了，那应该可以用英语交流了吧？

女 B：当然。我还可以用简单的越南语和越南同学交流呢。

女 A：你觉得学外语最重要的是什么？

女 B：我觉得不管学习什么都要认真，而要学好外语就要多听，多说，多做练习。

女 A：你说的对，我一定向你学习。我很想学好一门外语。

1.



那天是麦克的生日。麦克请张东来参加。
他还叫张东跟女朋友一起来



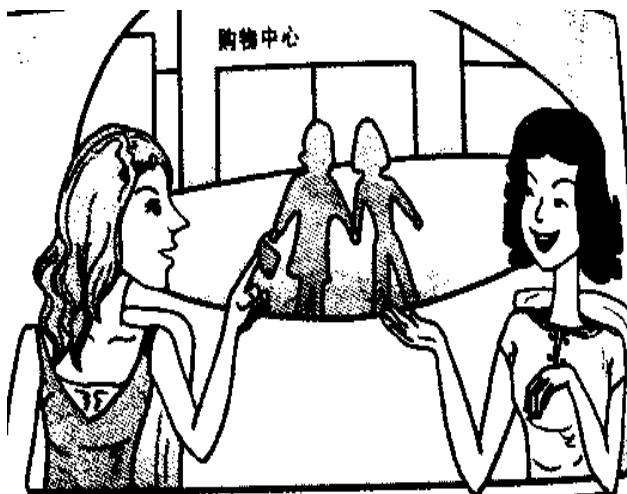
张东想给麦克买件有意思的礼物，就
到商店买礼物去了。



那天晚上张东和他的女朋友来了，还送给
麦克礼物。麦克很高兴。



麦克的女朋友和张东的女朋友一起
介绍。



她们聊得很开心。



她们希望以后还能再见面。

2.



王成男和李美英 1988 年结婚。



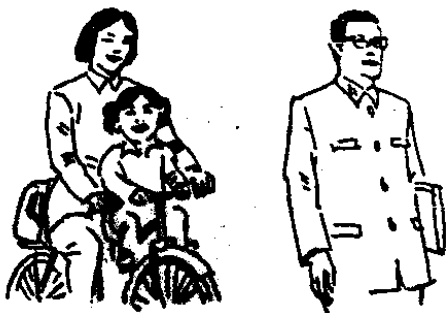
他们有一个孩子，是小四的，学得很好，长得很可爱。



李美英是个老师，在一所小学工作。



王成男是一家外贸公司的经理。



每天李老师常骑车接送孩子。因为公司离家很近，所以王经理常走路去公司。



晚上是一家三人团聚的时候，王经理和李老师一起下厨房做菜，他们女儿小红看电视。



做晚饭，一起吃饭，他们家真幸福。

3.



早晨

早饭



上午

上班



中午

午饭



下午

做家务



晚上

看电视



夜里11点

睡觉

4.



西瓜



西瓜怎么卖?

5毛

价钱



你刚才说……说……

听不清楚



太便宜了!

我要一个大的

便宜



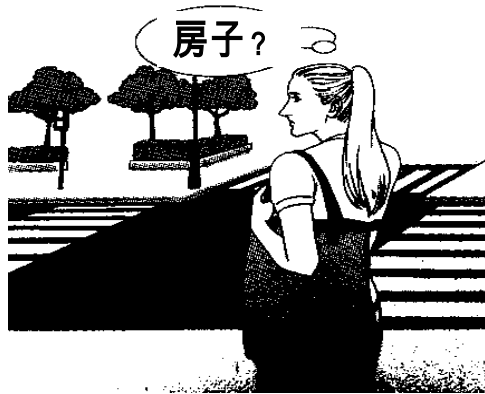
六块二，
给六块吧。

给钱



跟朋友一起吃西瓜

5.



租房子



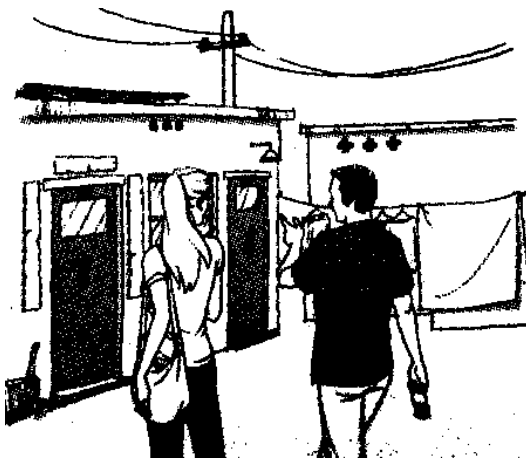
房东



看房子



客厅



楼顶



卧室



考虑